

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/DS-ST
Ngày: 02-11-2023
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản (Lúa)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lâm Thị Loan Em
Ông Huỳnh Văn Chính

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Tại - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 11 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản (Lúa)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 153/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Châu S, sinh năm 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú G, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X, tỉnh Sóc Trăng.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Vũ N, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp X, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/4/2023 của nguyên đơn và tại phiên tòa nguyên đơn ông Châu S trình bày:

Vào thời điểm đầu tháng 01 năm 2022 ông có bán lúa cho ông Nguyễn Vũ N. Thời điểm thu hoạch và giao lúa từ đầu tháng 01 năm 2022 đến khoảng 15/01/2022 thì hoàn tất. Tổng số lúa đã bán và qua cân là 157.522 kg, tổng giá trị là 921.503.700 đồng. Tuy nhiên, sau khi cân lúa xong, ông N chỉ mới thanh toán 773.100.000 đồng, còn nợ lại 148.403.700 đồng.

Ngày 05/3/2022 ông có làm việc với ông N về việc thanh toán nợ và ông N cam kết sẽ hoàn trả số tiền tính tròn là 148.404.000 đồng hạn chót ngày 12/3/2022, nếu trễ hạn sẽ chịu thêm tiền lãi cho đến khi thanh toán xong, ông N có ký giấy xác nhận nợ. Tuy nhiên, đến hạn cam kết ông N vẫn không hoàn trả số tiền trên, mặc dù từ

thời điểm đó đến nay ông đã nhiều lần liên hệ nhắc nhở nhưng ông N không có thiện chí hợp tác, hứa nhưng không thực hiện, điện thoại không nhắc máy. Vì vậy, ông khởi kiện ra Tòa án buộc ông N có nghĩa vụ hoàn trả số tiền mua lúa còn nợ 148.404.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 1,66%/tháng.

Tại biên bản xác minh ngày 13/7/2023, bị đơn ông Nguyễn Vũ N trình bày:

Thời gian không nhớ chính xác, đợt dịch năm 2022 ông S có bán lúa cho ông, loại OM Đài Thơm, không nhớ số lượng, không nhớ số tiền, sau khi mua bán xong thì đôi bên chốt sổ, thời điểm đó còn nợ khoảng hơn 70.000.000 đồng, nhưng trong đó ông đã đặt cọc 50 đến 60 triệu đồng cho ông S, số tiền còn nợ lại khoảng mười mấy hai mươi triệu đồng do ông S còn nợ vật tư nông nghiệp Minh P – Sóc Trăng nên cản trở qua ông nên ông có nghĩa vụ thanh toán cho công ty Minh P, do trước đây ông có hợp tác với công ty Minh P. Đối với nội dung ông S khởi kiện ông không thông nhất. Đối với “Giấy xác nhận nợ” ngày 05/3/2022 ông S cung cấp không phải chữ ký và chữ viết của ông, ông không yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết trên tờ giấy trên do không phải của ông. Ông không đồng ý toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Nguyễn Vũ N trả cho nguyên đơn số tiền còn nợ 148.404.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất 1,66%/tháng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp X, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Vũ N. Xét thấy, phiên tòa đã mở lần hai, bị đơn vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn ông S khởi kiện yêu cầu bị đơn ông N trả tiền mua lúa còn nợ 148.404.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 13/3/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm. Bị đơn ông N không thừa nhận số nợ trên. Ông S cung cấp cho Tòa án “GIẤY XÁC NHẬN NỢ” ngày 05/03/2022 có nội dung “Tôi tên: Nguyễn Vũ N. Địa chỉ: ấp X, thị trấn Phú L, huyện Thạnh T, tỉnh Sóc Trăng. CMND số: 366331857 do CA Sóc Trăng cấp ngày 22/06/2028. Nay tôi làm giấy này xác nhận rằng tôi còn nợ tiền lúa của ông Châu S (địa chỉ: ấp Phú G, xã Thạnh Q, huyện Mỹ X) với số tiền là: 148.404.000 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu, bốn trăm lẻ bốn ngàn đồng). Tôi cam kết sẽ thanh toán dứt điểm số tiền trên cho ông Châu S

trước ngày 12/03/2022. Nếu thanh toán trễ hạn tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu lãi suất phát sinh với mức 02%/tháng cho khoảng thời gian chậm thanh toán”, bên dưới mục “ký xác nhận của hai bên” có chữ ký và chữ viết Nguyễn Vũ N. Bị đơn ông N không thừa nhận chữ ký và chữ viết mang tên ông trên “GIẤY XÁC NHẬN NỢ” ngày 05/03/2022 mà nguyên đơn cung cấp, không yêu cầu giám định chữ ký.

[3] Nguyên đơn ông S yêu cầu Tòa án trung cầu giám định chữ ký của ông Nguyễn Vũ N trên tờ “GIẤY XÁC NHẬN NỢ” ngày 05/03/2022. Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã ban hành Quyết định trung cầu giám định số 10/2023/QĐ-TCGD ngày 02/8/2023, trung cầu Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng:

Thực hiện giám định chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Vũ N trên “GIẤY XÁC NHẬN NỢ” lập ngày 05/03/2022 so với các chữ ký, chữ viết của ông Nguyễn Vũ N trên mẫu so sánh có phải của cùng một người ký và viết ra hay không?

Theo Kết luận giám định số 155/KL-KTHS ngày 30/8/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Sóc Trăng kết luận như sau:

Chữ ký, chữ viết mang tên Nguyễn Vũ N dưới mục “Ký xác nhận của hai bên” trên Giấy xác nhận nợ, ngày 05/03/2022 tài liệu cần giám định (Ký hiệu A) so với chữ ký của Nguyễn Vũ N trên các mẫu so sánh (Ký hiệu: M1 – M4) do cùng một người ký, viết ra.

Từ kết luận nêu trên cho thấy, “GIẤY XÁC NHẬN NỢ” ngày 05/03/2022 đúng chữ ký và chữ viết của ông Nguyễn Vũ N, căn cứ theo nội dung giấy ông N thừa nhận nợ ông S số tiền lúa 148.404.000 đồng và cam kết trả trước ngày 12/03/2022, ngoài ra còn thỏa thuận lãi chậm thanh toán 2%/tháng, nhưng đến nay ông N chưa thực hiện trả nợ nên ông S yêu cầu ông N trả nợ số tiền gốc 148.404.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán kể từ ngày 13/3/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ngày 02/11/2023 mức lãi suất 1,66%/tháng là có căn cứ, đúng quy định tại các Điều 440, Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông S. Buộc bị đơn ông N có nghĩa vụ hoàn trả cho ông S có tiền mua lúa còn nợ vốn gốc 148.404.000 đồng và tiền lãi 48.448.951 đồng (148.404.000 đồng x 1,66%/tháng x 19 tháng 20 ngày), tổng cộng vốn lãi là 196.852.951 đồng.

[4] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí 5% trên số tiền có nghĩa vụ trả theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định 1.800.000 đồng, buộc bị đơn ông N phải nộp số tiền này, sau khi ông N nộp thì hoàn trả toàn bộ 1.800.000 đồng cho ông S do ông S đã nộp tạm ứng trước 3.000.000 đồng. Hoàn trả cho ông S số tiền 1.200.000 đồng theo thông báo của Tòa án.

[6] Qua phân tích như trên, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 162, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 430, Điều 440, Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Châu S. Buộc bị đơn ông Nguyễn Vũ N có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Châu S số tiền còn nợ vốn gốc 148.404.000 đồng (một trăm bốn mươi tám triệu bốn trăm lẻ bốn nghìn đồng) và tiền lãi 48.448.951 đồng (bốn mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn chín trăm năm mươi một đồng), tổng cộng vốn lãi là 196.852.951 đồng (một trăm chín mươi sáu triệu tám trăm năm mươi hai nghìn chín trăm năm mươi một đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Nguyễn Vũ N phải nộp án phí số tiền 9.842.647 (chín triệu tám trăm bốn mươi hai nghìn sáu trăm bốn mươi bảy đồng). Hoàn trả cho ông Châu S tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.496.000 đồng (bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008183 ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì, tỉnh Sóc Trăng.

3. Về chi phí tố tụng: Buộc bị đơn ông Nguyễn Vũ N phải nộp chi phí giám định số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng), sau khi ông N nộp xong thì hoàn trả toàn bộ số tiền 1.800.000 đồng (một triệu tám trăm nghìn đồng) cho nguyên đơn ông Châu S. Hoàn trả cho ông S số tiền 1.200.000 đồng (một triệu hai trăm nghìn đồng) theo thông báo của Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú đề yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thanh Trì;
- Chi cục THADS huyện Thanh Trì;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thành Nghiệp

